

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 25-01-2022

V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Vũ

Bà Nguyễn Thị Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 183/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1967; cư trú tại: Đường N, Phường M, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn C, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp N, xã M, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông Đ vắng mặt, ông C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày:

Thông qua người môi giới giới thiệu, ngày 22 tháng 6 năm 2021, ông Đ có cho ông Bùi Văn C vay số tiền 355.000.000 đồng, thời hạn vay: 01 (một) tháng; mục đích vay: mua bán cây kiểng. Trong tờ giấy “Biên nhận” đề ngày 22 tháng 6 năm 2021 do ông C viết và ký tên không thể hiện lãi suất cho vay nhưng các bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 03%/tháng. Tuy nhiên, hết thời hạn thỏa thuận nhưng ông C không trả nợ cũng chưa lần nào trả tiền lãi cho ông Đ. Khi cho ông C vay, ông Đ không có

giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C. Do ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền nợ vay gồm tiền gốc là 355.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1,67%/tháng, tạm tính đến ngày 23 tháng 11 năm 2021 là 13.312.500 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 368.312.500 đồng.

Tại đơn xin thay đổi nội dung vụ kiện đề ngày 12 tháng 01 năm 2022, nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ xác định yêu cầu ông C trả số tiền nợ gốc là 355.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2021 đến ngày 25 tháng 01 năm 2022 (183 ngày) như sau: $355.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} : 365 \times 183 = 17.798.630 \text{ đồng}$, tổng cộng gốc và lãi là 372.798.000 đồng (làm tròn).

Bị đơn ông Bùi Văn C trình bày:

Ông C thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 22 tháng 6 năm 2021 là do ông C viết và ký tên. Tuy nhiên, ông C xác định số tiền 355.000.000 đồng là bao gồm tiền lãi nhập gốc, ông Đ đọc cho ông C viết nội dung của biên nhận này bởi vì trước đây từ khoảng tháng 10 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021, ông C có vay của ông Đ 05 lần tiền, tổng cộng gốc là 190.000.000 đồng. Đến tháng 3 năm 2021, ông Đ kêu ông C viết biên nhận nhận nợ với số tiền là 255.000.000 đồng; đến tháng 4 năm 2021, ông Đ kêu ông C viết biên nhận với số tiền là 285.000.000 đồng trong đó có tiền lãi là 30.000.000 đồng; đến tháng 5 năm 2021, ông Đ kêu ông C viết biên nhận với số tiền là 315.000.000 đồng trong đó có tiền lãi là 30.000.000 đồng; đến tháng 6 năm 2021, ông Đ kêu ông C viết biên nhận với số tiền là 355.000.000 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng tiền lãi. Tất cả biên nhận đều do ông Đ giữ, ông C không giữ bất kỳ giấy tờ gì cả. Đồng thời khi cho ông C vay tiền thì ông Đ có giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 425, đất tọa lạc ấp N, xã M, thành phố T, tỉnh Long An do ông C đứng tên quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, việc giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông C và ông Đ không thể hiện bằng văn bản.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ, ông C đề nghị ông Đ xem xét giảm bớt tiền lãi do hiện nay hoàn cảnh của ông rất khó khăn. Ông C chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 190.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả lãi cho ông Đ từ ngày 23 tháng 3 năm 2021 đến nay theo quy định của pháp luật. Đối với việc ông Đ giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C đứng tên thì ông C không có chứng cứ gì chứng minh và ông Đ không thừa nhận nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Văn C yêu cầu ông Đ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C đứng tên, ông C xác định chỉ vay tổng cộng của ông Đ là 190.000.000 đồng chứ không phải 355.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ gì chứng minh số tiền vay chỉ là 190.000.000 đồng nên ông đồng ý trả 355.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của ông Đ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên ông C yêu cầu được trả dần số tiền nợ trong thời hạn 01 năm tính từ ngày xét xử.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Bùi Văn C có mặt, nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Theo biên nhận ngày 22 tháng 6 năm 2021, ông Bùi Văn C có vay và chưa trả cho ông Đ số tiền 355.000.000 đồng và tiền lãi. Việc ông C cho rằng chỉ vay ông Đ số tiền gốc là 190.000.000 đồng nhưng ông không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của bị đơn. Ông Đ yêu cầu tiền lãi 10% là thấp hơn quy định của pháp luật, có lợi cho bị đơn. Đối với yêu cầu trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn tại phiên tòa là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện theo Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không căn cứ xem xét. Căn cứ điều: 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn là người cao tuổi và có yêu cầu miễn án phí nên được miễn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Bùi Văn C là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Bùi Văn C có nơi cư trú tại xã Nhon Thạnh Trung, thành phố T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc xét xử vắng mặt đương sự: Ông Nguyễn Minh Đ là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét hình thức, nội dung giao dịch dân sự: Căn cứ “Biên nhận” ghi ngày 22 tháng 6 năm 2021 do ông Bùi Văn C viết và ký tên có nội dung: *“Tôi tên: Bùi Văn C; 98 ấp N, xã M. Tôi có mượn anh Đức 355.000.000đ (ba trăm năm mươi lăm triệu) đồng. Đã nhận đủ tiền. Hẹn trả trong tháng. Lý do: Mua bán cây kiểng”*. Từ biên nhận này xác định ông C có vay của ông Đ số tiền 355.000.000 đồng, thời hạn vay trong tháng và không thỏa thuận lãi suất. Tại thời điểm xác lập hợp đồng, ông C có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, việc vay tiền trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Như vậy, giữa ông C và ông Đ có xác lập với nhau giao dịch dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Xét về yêu cầu trả tiền nợ gốc: Ông Đ khởi kiện ông C yêu cầu thanh toán cho ông Đ số tiền nợ gốc là 355.000.000 đồng. Chứng cứ ông Đ cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là bản gốc tờ “Biên nhận” ngày 22 tháng 6 năm 2021 thể hiện rõ số tiền vay, thời hạn vay, mục đích vay đồng thời ông C cũng thừa nhận chữ viết và ký tên trong tờ “Biên nhận” này là của ông C. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Biên nhận nhận tiền thỏa thuận thời hạn vay là một tháng tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2021. Tuy nhiên, hết thời hạn này, ông C chưa trả cho ông Đ số tiền nợ gốc 355.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ của người vay tiền, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 355.000.000 đồng.

[4.2] Xét về yêu cầu trả tiền nợ lãi: Ông Đ yêu cầu ông C trả tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm, thấy:

Như phân tích tại mục [4.1], số tiền 355.000.000 đồng là tiền gốc, ông C chưa thực hiện việc trả lãi cho ông Đ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu trả lãi là có căn cứ xem xét. Về lãi suất: hai bên đều xác định có thỏa thuận lãi suất, ông Đ xác định là 03%/tháng, còn ông C trình bày lãi suất 08%/tháng, như vậy hai bên không thống nhất về mức lãi suất thỏa thuận và trong biên nhận cũng không thể hiện việc thỏa thuận lãi suất. Do đó cần áp dụng Khoản 5 Điều 466 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi, cụ thể:

+ Tiền lãi trong hạn: $355.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 1 \text{ tháng}$ (Từ 22/6/2021 đến 22/7/2021) = 2.946.500 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn: $355.000.000 \text{ đồng} \times 1,24\% \times 06 \text{ tháng}$ 02 ngày (Từ 23/7/2021 đến 25/01/2022) = 26.705.500 đồng;

+ Tiền lãi chậm trả lãi: $2.946.500 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 06 \text{ tháng}$ 02 ngày (Từ 23/7/2021 đến 25/01/2022) = 148.400 đồng;

Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 355.000.000 đồng + 29.800.400 đồng (2.946.500 đồng + 26.705.500 đồng + 148.400 đồng) = 384.800.400 đồng.

Như vậy, ông Đ chỉ yêu cầu ông C trả số tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày cho vay đến ngày xét xử sơ thẩm 17.798.630 đồng là thấp hơn quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn.

Từ những phân tích tại mục [4.1] và [4.2], Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Buộc ông C có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền nợ gốc là 355.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 17.798.630 đồng (tính từ ngày 22/6/2021 đến ngày 25/01/2022), tổng cộng là 372.798.630 đồng.

[5] Xét lời trình bày của ông Bùi Văn C cho rằng số tiền vay 355.000.000 đồng trong đó tiền gốc là 190.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi do ông C chưa trả nên ông Đ yêu cầu viết giấy nhận nợ cộng dồn lãi vào gốc nhiều lần. Tuy nhiên, ông Đ xác định số tiền 355.000.000 đồng mà ông C đã vay của ông Đ không có tiền lãi mà là tiền gốc. Căn cứ vào nội dung biên nhận không thể hiện lãi suất; mặt khác, ông C không có chứng cứ gì chứng minh trong số tiền 355.000.000 đồng là bao gồm tiền lãi nhập vào tiền gốc nên lời trình bày của ông C là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn C: Ông C khẳng định khi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ giữ không có làm biên nhận, chỉ có người làm chứng Nguyễn Đăng Khánh chứng kiến. Tại bản tự khai và Biên bản đối chất ngày 03 tháng 12 năm 2021, người làm chứng Nguyễn Đăng Khánh trình bày thấy việc ông C đưa ông Đ giữa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại nhà ông Đ nhưng ông Khánh cũng không xác định được đặc điểm nhận dạng của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc đòi ông Đ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa, ông C phát sinh yêu cầu đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đã quá thời hạn yêu cầu theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông C được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn ông Bùi Văn C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 429, Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với ông Bùi Văn C.

1. Buộc ông Bùi Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền nợ gốc là 355.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 17.798.630 đồng, tổng cộng là 372.798.630 (ba trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Bùi Văn C được miễn án phí.

3.2. Ông Nguyễn Minh Đ không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí 9.165.656 (chín triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi sáu) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001072 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Toàn Vẹn